

Số: /TB-KSBT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025.

THÔNG BÁO

Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm hóa chất, vật tư, sinh phẩm dùng trong xét nghiệm dịch vụ của Khoa Sức khỏe sinh sản - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm hóa chất, vật tư, sinh phẩm dùng trong xét nghiệm dịch vụ của Khoa Sức khỏe sinh sản - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng

Kính gửi: Hộ kinh doanh Cửa hàng Thiết bị y tế và Hóa chất xét nghiệm

Căn cứ Quyết định số 2182/QĐ-KSBT ngày 04/11/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua sắm hóa chất, vật tư, sinh phẩm dùng trong xét nghiệm dịch vụ của Khoa Sức khỏe sinh sản - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng” thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm “Mua sắm hóa chất, vật tư, sinh phẩm dùng trong xét nghiệm dịch vụ của Khoa Sức khỏe sinh sản - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng”;

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng thông báo đến các nhà thầu các nội dung như sau:

I. Thông tin về gói thầu

1. Mã KHLCNT: PL2500271678
2. Tên gói thầu: Mua sắm hóa chất, vật tư, sinh phẩm dùng trong xét nghiệm dịch vụ của Khoa Sức khỏe sinh sản - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng.
3. Giá trúng thầu: **72.932.367 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng./.)**

Giá trên đã bao gồm các loại thuế, phí, chi phí vận chuyển hàng hóa đến nơi sử dụng và các chi phí khác liên quan.

4. Chủ đầu tư: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng;
5. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu rút gọn;
6. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định
7. Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
8. Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

II. Thông tin về nhà thầu trúng thầu

Hộ kinh doanh Cửa hàng Thiết bị y tế và Hóa chất xét nghiệm.

Mã số thuế : 030179002213

Địa chỉ : Số 50 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, Thành Phố Hà Nội

Tổng giá dự thầu : **772.932.367 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng./.)**

Giá trúng thầu: **72.932.367 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng./.)**

Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

III. Danh mục chi tiết hàng hóa trúng thầu

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm Thông báo này)

IV. Danh sách nhà thầu không lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.

1. Công ty Cổ phần Công nghệ Biosciences

Mã số thuế: 0110479226

Lý do nhà thầu không trúng thầu: Giá dự thầu cao hơn giá dự toán

2. Công ty Cổ phần Công nghệ Labmall

Mã số thuế: 0108774104

Lý do nhà thầu không trúng thầu: Giá dự thầu cao hơn giá dự toán

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng trân trọng thông báo .

Tài liệu đính kèm: Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- Các khoa, phòng: TCKT; SKSS;
- TTGDSK (đăng tải trên website CDC);
- HĐMS;
- Lưu: VT, D-VTYT, P.

GIÁM ĐỐC

Đồng Trung Kiên

Phụ lục: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU
(Kèm theo Thông báo số /TB-KSBT ngày tháng 11 năm 202.)

TT	Danh mục hàng hóa	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật cơ bản	Hãng	Xuất xứ	Quy cách	ĐVT	Năm sản xuất	Số lượng g cs1	Số lượng g cs2	Tổng cộng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
1.	Bông hút nước	Bông hút nước		100% bông xơ tự nhiên, hút nước	Bạch Tuyết	Việt Nam	Túi 1kg	Kg	≥2024	1	32	33	135.000	4.455.000
2.	Povidine 10%	Povidine 10%		Dung dịch dùng ngoài povidine 10%	An lành	Việt Nam	Chai 500ml	Chai	≥2024	2	19	21	50.000	1.050.000
3.	Săng mổ 60cmx80cm, VT	Săng mổ 60cmx80cm, VT		Săng dùng 1 lần	An lành	Việt Nam	1 cái/ gói	Cái	≥2024	70		70	3.500	245.000
4.	Găng tay cao su y tế	Găng tay cao su y tế		Găng tay cao su y tế, chưa tiệt trùng, có bột, size M	Merufa	Việt Nam	50 đôi/hộp	Đôi	≥2024	100	8000	8100	1.200	9.720.000
5.	Cồn 90 độ	Cồn 90 độ		Chứa 90 % ethanol	Thuận Phát	Việt Nam	Chai 500ml	Chai	≥2024	1	20	21	19.800	415.800
6.	Lam kính nhám	Lam kính mài	7105	Lam kính loại nhám, kích thước tối thiểu 25x75mm	Trust lab	Trung Quốc	72 cái/hộp	Hộp	≥2024	1		1	22.567	22.567
7.	Que lấy tế bào	Que xét nghiệm Spatula		Que lấy tế bào, gỗ, lấy mẫu bệnh phẩm cổ tử cung	Lạc Việt	Việt Nam	100 que/ hộp	Hộp	≥2024	1	3	4	90.000	360.000
8.	Dung dịch vệ sinh tay sát khuẩn thường quy dùng	Dung dịch vệ sinh tay sát khuẩn thường quy		Dung dịch sát khuẩn ngoài da, Chlorhexidine Digluconate 2%	THA	Việt Nam	Chai 500ml	Chai	≥2024		12	12	85.000	1.020.000

	trong y tế	dùng trong y tế THA-2												
9.	Dung dịch Steranios 2%	Dung dịch Steranios 2%	Steranios 2%	Dung dịch Glutaraldehyde 2%	Anios	Pháp	5lit/can	Can	≥2024		8	8	420.000	3.360.000
10.	Găng tay phẫu thuật size 7	Găng tay phẫu thuật size 7	GPTC TD7.0	Găng tay phẫu thuật, vô khuẩn size: 7, có bột, tiết trùng, loại dài	Merufa	Việt Nam	50 đôi/hộp	Đôi	≥2024		500	500	4.200	2.100.000
11.	Bơm kim tiêm 5ml	Bơm tiêm 5ml		Bơm kim tiêm 5ml, 23Gx1	MPV	Việt Nam	Chiếc	Chiếc	≥2024		2.000	2000	567	1.134.000
12.	Ống hút điều kinh số 4	OHĐK	OHĐK	Ống hút điều kinh - size:4	Công ty Cổ phần nhựa y tế Việt Nam	Việt Nam	1cái/túi	Ống	≥2023		1.000	1000	3.000	3.000.000
13.	Gel siêu âm	APM-GS1	APM-GS1	Gel siêu âm màu xanh hoặc không màu.	An Phú	Việt Nam	5 lít/can	Can	≥2024		10	10	95.000	950.000
14.	Giấy in siêu âm	UPP-110S	UPP-110S	Giấy in siêu âm (110mm x 20m)	Sony	Nhật Bản	200 kiểu/cuôn	Cuộn	≥2024		25	25	135.000	3.375.000
15.	Lam kính trơn	7102	7102	Lam kính kích thước tối thiểu 25x75mm. 1mm-1.2mm, trơn	Trust lab	Trung Quốc	72 cái/hộp	Hộp	≥2024		56	56	20.000	1.120.000
16.	Lamen	Lamen		Kích thước: 22 x 22mm Độ dày: 0.13-0.17 mm	Paul Marie nfeld	Đức	100 miếng/hộp; 10 hộp/ gói	Hộp	≥2024		30	30	70.000	2.100.000
17.	Test	Test	W35-	Độ nhạy: ≥87,2%	Helgel	Mỹ	20 test/hộp	Test	≥2024		600	600	21.000	12.600.00

	Chlamydia	Chlamydia	C	Độ đặc hiệu: $\geq 98,3\%$										0
18.	Viên khử khuẩn Presept	Viên khử khuẩn Presept	SPR25	Viên khử khuẩn, thành phần 2,5g Troclosesene Sodium	Johnson & Johnson	Ireland	100 viên/hộp	Hộp	≥ 2021		12	12	510.000	6.120.000
19.	Que tăm bông lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm	Que tăm bông lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm	-	Tiệt trùng Chất liệu: Ống nhựa. Nắp nhựa, đầu bông que gỗ. Kích thước tối thiểu 12 x 150 mm, dày 0.2mm	Henso medical	Trung Quốc	100que/hộp	Que	≥ 2024		1.000	1000	1.300	1.300.000
20.	Ống hút điều kinh số 5	Ống hút điều kinh số 5	FC5	Ống hút điều kinh số 5, khử trùng bằng ethylene oxide, dùng trong sinh sản	Woman Care Global	Đài Loan	1 ống/túi	Ống	≥ 2024		25	25	35.000	875.000
21.	Ống hút điều kinh số 6	Ống hút điều kinh số 6	FC6	Ống hút điều kinh số 6, khử trùng bằng ethylene oxide, dùng trong sinh sản	Woman Care Global	Đài Loan	1 ống/túi	Ống	≥ 2022		15	15	35.000	525.000
22.	Bộ Beta HCG	EIA1911 Beta-HCG ELISA	EIA-1911	Khay 96 giếng. 6 lọ chất chuẩn, 4 lọ hoá chất phản ứng. Dùng cho máy elisa MICROPLATE READER, model Stat fax 3200	DRG	Đức	96test/hộp	Hộp	≥ 2024		1	1	3.800.000	3.800.000
23.	Hoá chất sinh hóa định lượng acid	Liquick Cor - UA 60	2-208	Định lượng Acid Uric trong máu Dùng cho máy SPHERA ,	PZ Cormay S.A/	Ba Lan	R1 5x48ml; R2 1x60ml	Hộp	≥ 2024		1	1	1.120.000	1.120.000

	uric			Italia	Ba Lan									
24.	Hoá chất sinh hóa định lượng protein toàn phần	Liquick Cor - TOTAL PROTEIN 60	2-236	Định lượng Protein toàn phần trong máu Dùng cho máy SPHERA , Italia	PZ Corma y S.A/ Ba Lan	Ba Lan	R1 6x60ml	Hộp	≥ 2024		1	1	530.000	530.000
25.	Hoá chất sinh hóa định lượng canxi	Liquick Cor - CALCIUM ARSENAZO 30	3-254	Định lượng canxi toàn phần trong máu Dùng cho máy SPHERA , Italia	PZ Corma y S.A/ Ba Lan	Ba Lan	R1 6x30ml	Hộp	≥ 2024		1	1	1.440.000	1.440.000
26.	Hoá chất sinh hóa định lượng LDL	CORMAY LDL DIRECT	2-180	Định lượng LDL Dùng cho máy SPHERA , Italia	PZ Corma y S.A/ Ba Lan	Ba Lan	R1 4x30ml; R2 4x10ml	Hộp	≥ 2024		1	1	6.120.000	6.120.000
27.	Ống nghiệm Heparin		HL-012	Ống nghiệm heparin, dung tích 2ml nắp nhựa	An Phú	Việt Nam	100 ống/khay	Ống	≥ 2024		1.000	1000	850	850.000
28.	Nước cất			Nước cất 2 lần	An lành	Việt Nam	10lít/can	Can	≥ 2024		5	5	110.000	550.000
29.	Môi trường rửa tinh trùng		Flush 020	Độ pH=7,3-7,6 Độ thẩm thấu: 270-290 mOsm/kg Nội độc tố: <0,25EU/ml Kiểm tra khả năng sống của tinh trùng $\geq 80\%$	Fertipr o	Bỉ	20ml/lọ	Lọ	≥ 2024		1	1	425.000	425.000

30.	Môi trường phân loại tinh trùng		SIP20	Bao gồm: dung dịch Upper layer 45% và dung dịch Lower layer 90% Nội độc tố vi khuẩn <0,5 EU/ml Kiểm tra khả năng sống sốt của tinh trùng ≥75%	Fertipr o	Bỉ	2x20ml/lọ/ bộ	Bộ	≥2024		1	1	2.250.000	2.250.000
Tổng cộng <i>(Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng./.)</i> Tổng giá trị dự toán trên đã bao gồm các loại thuế, phí, chi phí vận chuyển hàng hóa đến nơi sử dụng và các chi phí khác liên quan.													72.932.367	